

Hoạt động kho hàng

- Đạt tiêu chuẩn GSP về nhiệt độ, độ ẩm.
- Ứng dụng hệ thống mạng, phần mềm hiện đại trong công tác quản lý nhập xuất, tồn kho đạt hiệu quả cao, phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất, công tác bán hàng nhanh chóng, kịp thời.
- Kho được bố trí thành những phân khu riêng biệt thuận lợi trong công tác quản lý: kho lạnh, kho mát, tủ đông.

2

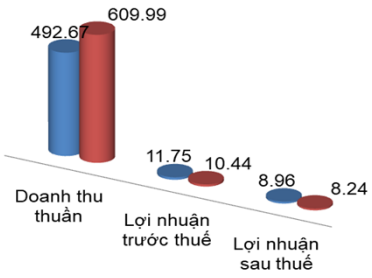
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018-2019-2020

- **Kết quả kinh doanh năm 2018-2019-2020**
- **Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu**
- **Tình hình tài chính tại ngày 31/12**
- **Một số chỉ tiêu tài chính**

Kết quả kinh doanh năm 2020

So sánh với năm 2019

■ 2019 ■ 2020 Đơn vị: tỷ đồng



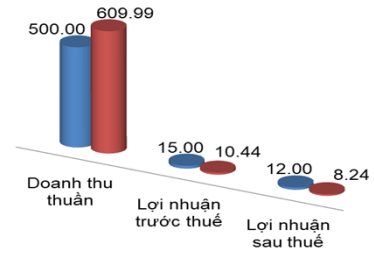
(Đọc thêm báo cáo tài chính đính kèm)

Kết quả kinh doanh năm 2020

So sánh với kế hoạch

■ Kế hoạch ■ Thực hiện

Đơn vị: tỷ đồng



Kết quả kinh doanh không được như mong đợi, thể hiện những khó khăn nhất định đối người công ty nói riêng và ngành dược nói chung

(Đọc thêm báo cáo tài chính đính kèm)

Bán hàng

- Tình hình bán hàng qua các năm 2018-2019-2020 là ổn định, đây là hiệu quả của quá trình tái cấu trúc công ty.
- Năm 2020, SPM chủ trương cơ cấu danh mục sản phẩm, ưu tiên các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao, các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên. Bên cạnh đó tiến hành thanh lý hoặc chuyển nhượng các dự án ngoài ngành để tập trung phát triển dược.

Marketing

- Tiếp tục các hoạt động duy trì và phát triển các thương hiệu mạnh: MyVita, Eugintol, Mypara...
- Các hoạt động từ thiện: khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí cho bà con nghèo, gia đình chính sách, vùng sâu vùng xa, chăm lo sức khỏe người cao tuổi...
- Tổ chức Hội nghị khách hàng trên toàn quốc, trong đó tập trung các tỉnh thành đạt kết quả cao.

Báo cáo thay đổi Vốn chủ sở hữu

(tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ (+/-)
Vốn cổ phần	140	140	0.00%
Thặng dư vốn cổ phần	211	211	0.00%
Cổ phiếu quỹ	(10)	(10)	0.00%
Lợi nhuận chưa phân phối	416	424	1.92%
Tổng cộng	757	765	1.06%

Tình hình tài chính tại ngày 31/12

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Tài sản ngắn hạn (tỷ đồng)	667.276	835.959	869.265
Tài sản dài (tỷ đồng)	305.595	186.376	184.776
TỔNG TÀI SẢN	972.881	1.022.365	1.054.041
Nợ phải trả	224.608	265.133	288.562
Vốn chủ sở hữu	748.273	757.232	765.479
TỔNG NGUỒN VỐN	972.881	1.022.365	1.054.041

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	2018	2019	2020
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /doanh thu thuần	2.76%	1.82%	1.35%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn cổ phần	7.70%	6.40%	5,89%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	1.11%	0.88%	0,78%
Khả năng thanh toán nhanh	3,01 lần	3,25 lần	3,71 lần
Vòng quay hàng tồn kho	5.33 vòng	17,7 vòng	7,27 vòng